

Bản án số: 54/2022/LĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2022
V/v tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Nhu;

Bà Nguyễn Thị Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-LĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2022/QĐXXST-LĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 495/2022/QĐST-LĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Chí T; Địa chỉ: Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Đức V; Địa chỉ: phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số công chứng: 002641, quyền số 01, lập ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Văn phòng công chứng Bến Thành) - Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Cao Nghệ V; Địa chỉ trụ sở: phường A, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Dương Thu H - Chức danh: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; Địa chỉ: phường A, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Đức V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 23/7/2018 ông Lê Chí T vào làm việc tại Công ty TNHH Cao Nghệ V (gọi tắt là Công ty V). Hai bên chưa ký hợp đồng lao động mà chỉ mới thỏa thuận miệng công việc của Ông T là Kế

toán trưởng, địa điểm làm việc tại trụ sở công ty, số 105/15 Quốc lộ 1A, KP B, phường A, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh. Mức lương và phụ cấp hằng tháng là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng). Trong đó lương là 20.000.000 đồng, phụ cấp xăng xe là 2.000.000 đồng. Không thỏa thuận thời hạn làm việc đến thời gian nào. Ông T nhiều lần đề nghị Công ty giao kết hợp đồng lao động để xác định rõ thời hạn hợp đồng, các quyền và nghĩa vụ khác, nhưng không được đáp ứng.

Đến ngày 08/7/2019, Công ty V ban hành Quyết định số 01//T07-2019/QĐ-NV chấm dứt hợp đồng lao động với Ông T mà không có lý do thỏa đáng và cũng không thông báo trước cho Ông T theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động. Như vậy, Công ty V đã vi phạm pháp luật lao động là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động.

Nguyên đơn xác định hợp đồng lao động giữa Công ty V và ông Lê Chí T là loại hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng. Ông T nghỉ việc tại Công ty V từ ngày 08/7/2019 và nhận đủ lương đến ngày 08/7/2019.

Ông Lê Chí T yêu cầu Tòa án buộc Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động, bao gồm các khoản tiền sau:

- Tiền lương từ tháng 7/2019 tạm tính đến tháng 4/2021: 22.000.000 đồng x 19 tháng = 418.000.000 đồng. Ông T không đồng ý trở lại làm việc nên buộc Công ty V:
- Trả trợ cấp thôi việc bằng 01 tháng lương: 22.000.000 đồng.
- Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước bằng 01 tháng lương: 22.000.000 đồng.
- Tổng cộng là: 462.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi hai triệu đồng).
- Buộc đóng bổ sung Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2018 tạm tính đến tháng 4/2021 cho Ông T trên mức lương 22.000.000 đồng/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đình P là đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông Lê Chí T là người quen của ông Đặng Bá T (Ông T là người hợp tác làm việc trong Công ty TNHH Cao Nghệ V- gọi tắt là Công ty V) được ông Tiên giới thiệu vào làm kế toán. Giữa Công ty V và Ông T có thỏa thuận nhưng không lập văn bản các nội dung sau:

Ông T vào làm việc tại Công ty là ngày 01/8/2018 với tư cách là người hợp tác trong lĩnh vực kế toán, thời gian hợp tác khoảng 01 năm. Giữa hai bên không có quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động. Thời gian làm việc theo giờ hành chính, 08 giờ một ngày, từ thứ 2 đến thứ 6 hằng tuần. Mức thù lao công việc là 5.324.000 đồng/tháng, trong tháng có thể thu nhập cao hơn tùy thuộc vào chỉ số năng lực làm việc thực tế và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Vấn đề tham gia bảo hiểm Ông T không yêu cầu. Như vậy, giữa Công ty V và Ông T chỉ là đối tác trong lĩnh vực kế toán, không có quan hệ về lao động.

Quá trình hợp tác làm việc, Ông T không tuân theo thời giờ làm việc của công ty, không báo cáo với bất kỳ người nào trong công ty. Ông T không có công việc làm cụ thể và kết quả làm việc cũng không rõ ràng. Hằng tháng, bộ phận kế toán gửi tiền thù lao cho Ông T từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Tháng 3/2019 Ông T có yêu cầu tham gia bảo hiểm xã hội nên công ty đã đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho Ông T với mức lương là 5.324.000 đồng.

Cuối tháng 6/2019, Ông T có nói với Giám đốc Công ty V là sẽ nghỉ việc, Giám đốc đề nghị ông tiếp tục ở lại làm việc nhưng ông không đồng ý và sau đó ông nghỉ việc mà không bàn giao lại công việc cho người khác.

Ngày 08/7/2019 Ông T đến Công ty mang theo hai văn bản đã soạn sẵn là quyết định nghỉ việc và Giấy xác nhận mức lương nhờ Công ty ký xác nhận với lý do để tìm việc nơi khác có mức lương cao hơn. Công ty V đã cố gắng thuyết phục Ông T ở lại làm việc nhưng ông từ chối. Như vậy, tính đến ngày 08/7/2019 Ông T đã tự ý nghỉ việc được 15 ngày.

Trên bảng lương của Công ty từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2019 thể hiện mức thu nhập của Ông T là: Tháng 3/2019: 12.171.740 đồng, tháng 4/2019: 15.171.740 đồng, tháng 5/2019: 15.171.740 đồng, tháng 6/2019: 15.111.740 đồng. Công ty V đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho Ông T từ tháng 3/2019 đến hết tháng 6/2019 với mức lương 5.324.000 đồng/tháng. Từ tháng 7/2019 là thời điểm Ông T nghỉ việc, Công ty đã báo giảm lao động với Bảo hiểm xã hội Quận 12. Quyết định nghỉ việc của Ông T do Giám đốc Công ty V ký là theo yêu cầu nguyện vọng của Ông T.

Giấy xác nhận lương của Ông T do ông Đặng Bá T ký ngày 08/7/2019 với mức thu nhập 22.000.000 đồng là không đúng sự thật do việc xác nhận này nhằm giúp Ông T tìm kiếm công việc có thu nhập cao hơn. Bản thân ông Tiên không có chức danh gì trong công ty nhưng ông Tiên lạm dụng chỗ quen biết nên đã nhờ nhân viên đóng dấu lên chữ ký của mình.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của Ông T, phía bị đơn nhận thấy không có lỗi bởi thực hiện nhằm tạo điều kiện cho Ông T tìm việc mới. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn xác định loại hợp đồng lao động giữa hai bên có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng, yêu cầu Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động tính trên mức lương chính 20.000.000 đồng/tháng theo Giấy xác nhận lương của Công ty V nhưng xin rút yêu cầu Công ty V trả trợ cấp thôi việc theo quy định khoản 2 Điều 42 Bộ luật Lao động và rút yêu cầu Công ty V đóng bổ sung Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2018 tạm tính đến tháng 4/2021 cho Ông T. Bị đơn là Công ty V do bà Dương Thu H đại diện theo pháp luật được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử thực hiện đúng quy định và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện ông Lê Chí T và Công ty TNHH Cao Nghệ V (gọi tắt là Công ty V) có phát sinh quan hệ lao động. Cho rằng phía bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên nguyên đơn khởi kiện. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án lao động: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có trụ sở chính tại số 105/15 Quốc lộ 1A, Khu phố 3, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Lê Chí T ủy quyền cho ông Huỳnh Đức V làm người đại diện của nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án trong vụ án này (theo Giấy ủy quyền số công chứng: 002641, quyền số 01, lập ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại Văn phòng công chứng Bến Thành). Bị đơn là Công ty V do bà Dương Thu H, chức danh: Giám đốc là đại diện theo pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thu H đã ủy quyền cho ông Trần Đình P làm người đại diện Công ty V tham gia tố tụng tại Tòa án (Giấy ủy quyền đề ngày 15/11/2020) nên Tòa án triệu tập ông Huỳnh Đức V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Trần Đình P là đại diện theo ủy quyền của bị đơn để tham gia tố tụng là đúng quy định. Ngày 06/5/2022, ông Trần Đình P nộp văn bản thông báo cho Tòa án về việc ông không tiếp tục làm đại diện ủy quyền của Công ty V tham gia tố tụng trong vụ án này, đề nghị Tòa án triệu tập trực tiếp Công ty V. Vì vậy, Tòa án đã thông báo và triệu tập Công ty V do bà Dương Thu H là đại diện theo pháp luật trực tiếp tham gia tố tụng. Ngày 29/6/2022, Tòa án mở phiên Toà nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty V có đơn xin hoãn phiên toà. Ngày 26/7/2022 Tòa án mở lại phiên toà và phía Công ty V tiếp tục có đơn xin hoãn phiên toà với cùng một lý do là đang điều trị bệnh hậu Covid 19, gây rối loạn tiền đình phụ nữ và sức khoẻ yếu. Tuy nhiên, bà Dương Thu H không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hơn nữa, phía Công ty V hoàn toàn có thể ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, theo sự thừa nhận của cả nguyên đơn và bị đơn thì giữa Ông T và Công ty V không ký hợp đồng lao động. Theo nguyên đơn trình bày thì thực tế Ông T bắt đầu làm việc tại Công ty V từ ngày 23/7/2018. Tại bản tự khai ngày 30/11/2020, ông Trần Đình P là đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng Ông T làm việc tại Công ty từ ngày 01/8/2018 với tư cách là người hợp tác, không có quan hệ lao động. Tuy nhiên, theo quyết định số 01/T07-2019/QĐ-NV ngày 08/7/2019 của Công ty V do bà Dương Thu H là giám đốc - đại diện theo pháp luật ký về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nhân viên Lê Chí T đã xác định Ông T có thời gian công tác tại công ty từ ngày 23/7/2018. Tại văn bản số 280/BHXXH ngày 21/7/2021 của Bảo hiểm xã hội Quận 12 cũng xác nhận Công ty V trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao

động - bệnh nghề nghiệp cho ông Lê Chí T từ tháng 7/2018. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông Lê Chí T và Công ty V có xác lập quan hệ lao động từ ngày 23/7/2018.

[5] Xác định loại hợp đồng lao động: Cũng theo quyết định số 01/T07-2019/QĐ-NV ngày 08/7/2019 của Giám đốc Công ty V đã xác định Ông T có thời gian công tác tại công ty từ ngày 23/7/2018 đến 08/7/2019. Điều này cũng được nguyên đơn thừa nhận và phù hợp với nội dung văn bản số 280/BHXXH ngày 21/7/2021 của Bảo hiểm xã hội Quận 12 xác nhận Công ty V trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông Lê Chí T từ tháng 7/2018 đến hết tháng 6/2019. Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012 thì hợp đồng lao động phải được giao kết theo một trong các loại: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng và hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.

[6] Trong trường hợp này, Công ty V đã trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông Lê Chí T đủ 12 tháng (từ tháng 7/2018 đến hết tháng 6/2019) và đã giảm, chốt, trả sổ cho Ông T. Công việc của Ông T là kế toán trưởng trong doanh nghiệp nên đây là công việc có tính chất thường xuyên. Nguyên đơn cũng xác định hợp đồng lao động giữa Ông T và Công ty V là loại hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng, nguyên đơn đã nghỉ việc tại Công ty V từ ngày 08/7/2019 và nhận đủ lương đến ngày 08/7/2019. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ý chí của hai bên giao kết hợp đồng và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng lao động giữa ông Lê Chí T và Công ty V là hợp đồng có thời hạn đủ 12 tháng, bắt đầu từ ngày 23/7/2018 đến ngày 23/7/2019.

[7] Như vậy, ngày 08/7/2019 Giám đốc Công ty V ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Lê Chí T với lý do không đáp ứng được yêu cầu công việc của công ty mà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên căn cứ Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012 xác định Công ty V đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Lê Chí T. Nguyên đơn yêu cầu Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[8] Xác định tiền lương theo hợp đồng lao động để làm cơ sở xác định nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: Phía nguyên đơn căn cứ vào Giấy xác nhận lương do ông Đặng Bá T ký ngày 08/7/2019 xác nhận tổng thu nhập chính của Ông T là 20.000.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng xe là 2.000.000 đồng/tháng. Phía bị đơn không thừa nhận giấy xác nhận này, cho rằng ông Đặng Bá T không có thẩm quyền ký xác nhận lương cho Ông T nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh mức lương hàng tháng Công ty trả cho Ông T. Ngày 19/4/2021, Tòa án đã ban hành quyết định số 217/2021/QĐ-GNTLCC yêu cầu bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ là sao kê bảng lương Công ty V trả cho Ông T trong 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc, trong đó gồm những khoản tiền gì; cung cấp giấy uỷ quyền hoặc phân công cho ông Tiên được ký xác nhận lương cho ông Lê Chí T cũng như các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc hợp tác giữa Công ty V và ông Lê Chí T như lời khai của đại diện bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp. Như vậy, Công ty V đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Theo

Giấy xác nhận lương ngày 08/7/2019 do ông Đặng Bá T ký xác nhận có đóng dấu pháp nhân Công ty V thì thu nhập chính của ông Lê Chí T là 20.000.000 đồng/tháng, phụ cấp xăng xe: 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, Ông T đã nghỉ việc từ ngày 08/7/2019 nên không có cơ sở xem xét khoản phụ cấp xăng xe. Bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh mức lương khác của Ông T nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012, Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP, lấy mức thu nhập chính 20.000.000 đồng/tháng làm cơ sở xác định mức lương theo hợp đồng lao động của ông Lê Chí T tại Công ty V.

[9] Xác định các nghĩa vụ của Công ty V do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Nguyễn Chí Thành: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 xác định Công ty V phải trả cho Ông T các khoản sau:

- Về tiền lương của những ngày không được làm việc: Do Công ty V chấm dứt hợp đồng lao động với Ông T vào ngày 08/7/2019, trước thời điểm hết hạn hợp đồng ngày 23/5/2019. Nguyên đơn cũng xác nhận đã nhận lương đến ngày 08/7/2019. Vì vậy, Công ty V phải trả cho Ông T tiền lương của những ngày không được làm việc tính từ ngày 09/7/2019 đến ngày 23/7/2019 là 15 ngày (1/2 tháng): $20.000.000 \text{ đồng} / 2 = 10.000.000 \text{ đồng}$ (1).

- 02 tháng lương theo hợp đồng lao động: $20.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 40.000.000 \text{ đồng}$ (2).

- Về trợ cấp thôi việc: Do Công ty V có nộp bảo hiểm thất nghiệp cho Ông T (từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019) nên căn cứ vào khoản 2 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012, Công ty V không phải trả trợ cấp thôi việc cho Ông T. Tại phiên toà, phía nguyên đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

- Do Ông T không muốn trở lại làm việc nên Công ty V phải bồi thường để chấm dứt hợp đồng lao động là 02 tháng lương: $20.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 40.000.000 \text{ đồng}$ (3).

- Bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012 thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, người sử dụng lao động phải báo trước ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn. Do Công ty V vi phạm thời hạn báo trước nên phải bồi thường cho những ngày không báo trước là 01 tháng lương: $20.000.000 \text{ đồng}$ (4).

Tổng cộng phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: (1) + (2) + (3) + (4) = 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

- Về yêu cầu buộc đóng bổ sung Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do tại phiên toà, nguyên đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 22, Điều 36, Điều 38, Điều 41, Điều 42 và Điều 90 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí T:

Buộc Công ty TNHH Cao Nghệ V phải trả cho ông Lê Chí T số tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), gồm các khoản như sau:

- Tiền lương của những ngày không được làm việc từ ngày 09/7/2019 đến ngày 23/7/2019 là 15 ngày (1/2 tháng): $20.000.000 \text{ đồng} / 2 = 10.000.000 \text{ đồng}$;

- Bồi thường 02 tháng lương theo hợp đồng lao động: $20.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 40.000.000 \text{ đồng}$;

- Bồi thường để chấm dứt hợp đồng lao động do ông Lê Chí T không muốn trở lại làm việc là 02 tháng lương: $20.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 40.000.000 \text{ đồng}$;

- Bồi thường cho những ngày không báo trước là 01 tháng lương: 20.000.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Lê Chí T yêu cầu Công ty TNHH Cao Nghệ V trả trợ cấp thôi việc và đóng bổ sung bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Công ty TNHH Cao Nghệ V phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 3.300.000 đồng (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng). Ông Lê Chí T không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp